

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2017/HNST**;

Ngày: **18/7/2017**.

V/v “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc – Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **PHAN BÍCH T** – sinh năm 1990.

Trú tại: ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **VĂN BÁ B** – sinh năm 1990.

Trú tại: ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Phan Bích T trình bày:*

Chị và anh Văn Bá B cưới nhau vào năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình. Sau khi cưới chị và anh B sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B

không lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Văn Bảo Ngọc – sinh ngày 05/9/2015 và Văn Tiến Phát – sinh ngày 28/11/2016, hiện hai con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Có 01 xe Air Blade biển số 63B4-304.57 do anh Văn Bá B đứng tên và quản lý, trị giá 25.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu anh B giao cho chị 12.500.000 đồng, là trị giá ½ tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản hòa giải tại Tòa án anh Văn Bá B trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T.

Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con tên Văn Bảo Ngọc – sinh ngày 05/9/2015 và Văn Tiến Phát – sinh ngày 28/11/2016, hiện hai con đang sống với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng hai con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 xe Air Blade biển số 63B4-304.57 do anh đứng tên và quản lý, trị giá 25.000.000 đồng. Khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị T số tiền 12.500.000 đồng, là trị giá ½ tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Bích T về việc xin ly hôn với anh Văn Bá B; yêu cầu về nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

Xét bị đơn anh Văn Bá B đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh B.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Phan Bích T và anh Văn Bá B cưới nhau vào năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh B với lý do anh B không lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Tại biên bản hòa giải anh B cũng đồng ý ly hôn với chị T, tuy nhiên tại phiên tòa anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B mà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Văn Bảo Ngọc – sinh ngày 05/9/2015 và Văn Tiến Phát – sinh ngày 28/11/2016. Tại phiên hòa giải anh B cũng đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc và cháu Phát. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh B vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì khác về yêu cầu nuôi cháu Ngọc và cháu Phát nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Ngọc và cháu Phát cho chị T nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc và cháu Phát theo quy định pháp luật, xét yêu cầu của chị T là có cơ sở vì anh B là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh B, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của cháu Ngọc và cháu Phát và căn cứ vào mức lương cơ sở hiện hành. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc và cháu Phát mỗi tháng 650.000 đồng/1 cháu.

Về tài sản chung: Chị T yêu cầu anh B giao cho chị T số tiền 12.500.000 đồng, trị giá ½ tài sản chung là xe Air Blade biển số 63B4-304.57 do anh B đứng tên và quản lý. Tại phiên hòa giải anh B cũng thống nhất là anh và chị T có tài sản chung là xe Air Blade biển số 63B4-304.57 trị giá 25.000.000 đồng, hiện do anh đang đứng tên và quản lý và anh đồng ý giao cho chị T số tiền 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh B vắng mặt và không có văn bản thay đổi ý kiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh B giao cho chị T số tiền 12.500.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và dân sự sơ thẩm.

Anh Văn Bá B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Bích T.

Về tình cảm: Chị Phan Bích T được ly hôn với anh Văn Bá B.

Về con chung: Giao cho chị Phan Bích T được quyền nuôi dưỡng cháu Văn Bảo Ngọc – sinh ngày 05/9/2015 và Văn Tiến Phát – sinh ngày 28/11/2016, cho đến khi cháu Ngọc và cháu Phát đủ 18 tuổi, lao động được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Văn Bá B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc và cháu Phát mỗi tháng 650.000 đồng/1 cháu, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Ngọc và cháu B đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Văn Bá B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh Văn Bá B có trách nhiệm giao cho chị Phan Bích T số tiền 12.500.000 đồng là trị giá $\frac{1}{2}$ tài sản chung. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Văn Bá B được tiếp tục quản lý và sở hữu 01 xe Air Blade biển số 63B4-304.57.

Về án phí: Chị Phan Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chịu 312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 612.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 35220 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Anh Văn Bá B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và chịu 312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện CG;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện CG;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Kim Loan